

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 640 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi kinh phí thực hiện tiết kiệm, cắt giảm 5%
chi thường xuyên đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm chi ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2981/STC-HCSN ngày 06/9/2024 và ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi kinh phí tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên năm 2024 đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh là 35.548,73 triệu đồng (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm phối hợp với Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi thực hiện thu hồi kinh phí tại Điều 1 Quyết định này về ngân sách tỉnh; đồng thời chịu trách nhiệm tham mưu, đề xuất UBND tỉnh sử dụng kinh phí kịp thời, đúng quy định theo quy định Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, HC-QT;
- Công TT-ĐT tỉnh;
- Lưu: VT, P.KTTH/Tien384.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Giang



KINH PHÍ THỰC HIỆN TIẾT KIỆM CÁT QUẢN SỬ CHAI THUỶNG XUYỀN ĐỔI VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 688/QĐ UBND ngày 30/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: Triệu đồng



STT	Đơn vị	Tổng cộng	Trong đó										Ghi chú	
			Chi phí hành chính	Chi phí nghiệp vụ công nghệ	Chi phí nghiệp vụ giáo dục, đào tạo, dạy nghề	Chi phí nghiệp vụ y tế, dân số và gia đình	Chi phí bảo đảm xã hội	Chi phí nghiệp vụ bảo vệ môi trường	Chi phí nghiệp vụ văn hóa thông tin	Chi phí nghiệp vụ phát thanh, truyền hình	Chi phí nghiệp vụ thể dục thể thao	Chi phí nghiệp vụ kinh tế, khác		An ninh và quốc phòng
	TỔNG	35.548,73	4.525,73	270,78	9.419,00	814,00	514,00	1.199,00	738,60	27,00	190,00	14.070,75	3.779,87	
1	Văn phòng Tỉnh ủy	0,00												
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	295,40	295,40						140,00			21,00		
3	Văn phòng UBND tỉnh	1.023,00	862,00									41,60		
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	276,70	235,10									30,00		
5	Sở Nội vụ	842,00	173,00			639,00						39,00		
6	Sở Tư pháp	162,00	123,00											
7	Sở Xây dựng	131,00	131,00											
8	Sở Thông tin và Truyền thông	86,50	0,90						85,60					
9	Sở Ngoại vụ	26,00	10,00		11,00								5,00	
10	Sở Khoa học và Công nghệ	240,20	37,00	203,20										
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	443,00	99,00				162,00					182,00		
12	Sở Công Thương	209,00	92,00									117,00		
13	Sở Giao thông vận tải	6.167,00	463,00									5.704,00		
14	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	627,00	113,00			514,00								
15	Thanh tra tỉnh	33,30	33,30											
16	Sở Y tế	828,00	14,00		814,00									
17	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	810,00	25,00	101,00					454,00		190,00		40,00	
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	8.748,00	80,00	8.668,00										
19	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	0,00												
20	Trường Chính trị	0,00												
21	BQL DA DT Xây dựng các công trình DD&CN	0,00												
22	Trường Cao đẳng Việt Nam-Hàn Quốc - Quảng Ngãi	0,00												
23	BCH Đoàn tỉnh	212,00	161,00						51,00					
24	Sở Tài chính	306,33	306,33											

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Trong đó										Ghi chú				
			Chi quản lý hành chính	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Chi bảo đảm xã hội	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp kinh tế, khác		An ninh và quốc phòng			
25	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.026,20	520,00	38,70											1.467,50		
26	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	56,00	56,00														
27	Ủy ban MTTQVN tỉnh	448,00	448,00												2,10		
28	Hội Nông dân tỉnh	2,10															
29	Hội Cựu chiến binh tỉnh	0,00															
30	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	27,00										27,00					
31	Ban Dân tộc	3,70	3,70														
32	BQL KKT Dung Quat và các KCN tỉnh	7.691,00	244,00							1.037,00					6.410,00		
33	Liên minh HTX tỉnh	11,55													11,55		
34	Hội Văn học nghệ thuật	0,00															
35	Hội Nhà Báo	8,00										8,00					
36	Hội Luật gia	0,00															
37	Hội người cao tuổi tỉnh Quảng Ngãi	0,00															
38	Hội người mù tỉnh Quảng Ngãi	0,00															
39	Hội Khuyến học tỉnh	0,00															
40	Hội Đông y tỉnh	0,00															
41	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	0,00															
42	Hội Nạn nhân chất độc da cam/DIOXIN	0,00															
43	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	28,88		28,88													
44	Hội Cựu TNXP tỉnh Quảng Ngãi	0,00															
45	Hội Từ yếu nước	0,00															
46	Ban An toàn giao thông tỉnh	0,00															
47	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	759,00															759,00
48	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	478,00															478,00
49	Công an tỉnh	2.542,87															2.542,87